

Bản án số: 34/2020/DSPT
Ngày: 04/6/2020
V/v “Đòi lại tài sản;
yêu cầu hủy GCNQSDĐ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Tuấn Anh.
- *Các Thẩm phán:* Ông Võ Công Phương.

Bà Đỗ Thị Thắm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:* Bà Lữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020 về “Đòi lại tài sản; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Công Ph (có mặt)
- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Hồ H (có mặt)

Đều cư trú tại: Thôn X, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện P.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn H1; chức vụ Phó Chủ tịch UBND huyện P (Văn bản ủy quyền số 526/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện P) (vắng mặt – có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Cụ Hồ Thị M.

Người đại diện hợp pháp của cụ M: Ông Lê Công T; cư trú tại: 04 Lê Văn C, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền ngày 30/11/2016) (có mặt).

3. Ông Lê Công Tr (có mặt)

4. Bà Lê Thị Ánh Ng (có mặt)

5. Anh Lê Công T1 (có mặt)

Đều cư trú tại: Thôn X, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

6. Ông Lê Công Đ; cư trú tại: Khu A, thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định (có mặt).

7. Bà Lê Thị Ánh T2; Cư trú tại: Thôn K, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (có mặt).

8. Anh Lê Công Q; cư trú tại: Thôn Ph, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (có mặt).

9. Ông Lê Công M; cư trú tại: 26/30 đường Hồng L, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định (có mặt).

10. Bà Nguyễn Thị Kim Y (có mặt)

11. Chị Lê Thị Kim D

Đều cư trú tại: Thôn X, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của chị Lê Thị Kim D: Ông Lê Công Ph - Nguyễn đơn trong vụ án (văn bản ủy quyền ngày 25/5/2015).

12. Anh Lê Công V

Người đại diện hợp pháp của anh Lê Công V: Ông Lê Công Ph - Nguyễn đơn trong vụ án (văn bản ủy quyền ngày 01/3/2019).

- *Người kháng cáo: Bà Lê Thị Hồ H - Bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Công Ph trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 564, tờ bản đồ số 11, diện tích 340m² tại thôn X, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, trên đất có 02 ngôi nhà hiện nay vợ chồng ông và bà Lê Thị Hồ H (em ruột ông) đang quản lý sử dụng là do vợ chồng ông khai hoang từ năm 1977. Năm 1978, vợ chồng ông xây dựng ngôi nhà ở phía Đông thửa đất để ở. Năm 1979, vợ chồng ông tiếp tục xây dựng phần nhà ở phía Tây liền kề với ngôi nhà xây dựng năm 1978 và sử dụng tường chung với ngôi nhà xây dựng năm 1978.

Khi nhà nước có chủ trương đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất, ông là người đã đăng ký kê khai các thửa đất trong đó có thửa đất nêu trên. Ngày 26/5/1997, hộ gia đình ông được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) trong đó có thửa đất số 564, tờ bản đồ số 11, diện tích 340m² tại thôn X, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

Phần nhà ở phía Tây có diện tích xây dựng 39,5m², vợ chồng ông cho các anh em ruột sử dụng làm nơi sửa chữa xe đạp và buôn bán mưu sinh, mỗi người sử dụng một thời gian ngắn rồi trả lại cho vợ chồng ông. Năm 2000, bà Lê Thị Hồ H - em ruột của ông là người cuối cùng được vợ chồng ông cho mượn phần nhà này để buôn bán nhưng do bà H sử dụng nhà để mua bán thuốc trừ sâu, phân bón gây ô nhiễm môi trường làm ảnh hưởng đến sức khỏe của gia đình ông và những người xung quanh nên vợ chồng ông đã nhiều lần yêu cầu bà H trả lại phần nhà nêu trên nhưng bà H không trả. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Hồ H phải trả lại phần nhà ở phía Tây có diện tích xây dựng 39,5m² cho gia đình ông.

Bị đơn bà Lê Thị Hồ H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 564, tờ bản đồ số 11, diện tích 340m² tại thôn X, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định là của cha mẹ bà là cụ Lê Công Kh (chết năm 2002), cụ Hồ Thị M khai hoang từ năm 1976. Đến năm 1979, vợ chồng ông Ph (ông Ph là anh ruột của bà) sinh sống ở xã N, huyện A (nay là thị xã A) chuyển về thôn X, xã C, huyện P nhưng không có chỗ ở nên cha mẹ cắt một phần đất ở phía Đông của thửa đất nêu trên có diện tích khoảng 45 – 50m² cho vợ chồng ông Ph làm nhà ở. Sau khi vợ ông Ph xây dựng nhà xong, khoảng 4 – 5 tháng sau cha mẹ bà bỏ tiền ra xây dựng một ngôi nhà cấp 4, diện tích 39,5m² ở phía Tây thửa đất, liền kề với nhà của vợ chồng ông Ph đã xây dựng trước đó và sử dụng tường chung với nhà của vợ chồng ông Ph.

Phần nhà ở phía Tây cha mẹ không trực tiếp quản lý sử dụng vì cha mẹ đã có nhà xây dựng trên thửa đất 562, tờ bản đồ số 11 do ông bà để lại mà lần lượt cho các con ở tạm làm nơi mua bán. Năm 2000, bà lấy chồng ở TP nhưng do sức khỏe yếu không làm ruộng được nên cha mẹ giao ngôi nhà nêu trên để bà mua bán phân bón, thuốc trừ sâu.

Thời điểm Nhà nước có chủ trương đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, cha mẹ đã lớn tuổi nên nhờ ông Ph kê khai giúp vì lúc đó ông Ph làm kế toán Hợp tác xã nhưng ông Ph tự ý kê khai thửa đất này cho hộ gia đình ông và được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ. Cha mẹ bà và các anh em đều không ai biết. Trước khi cha qua đời, ông Ph có xây 01 móng đá chẻ trước ngôi nhà hiện nay bà đang quản lý và một đoạn tường rào ở phía Tây thì bị cha ngăn cản, lúc này ông Ph tuyên bố rằng gia đình ông đã được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ nên cha mẹ và mọi người mới biết nhưng vì tình cha con, anh em ruột thịt với nhau nên không ai tranh chấp.

Nay ông Ph khởi kiện yêu cầu bà trả lại ngôi nhà xây dựng ở phía Tây có diện tích xây dựng 39,5m², bà không chấp nhận vì toàn bộ thửa đất số 564 tờ bản đồ số 11, diện tích 340m² tại thôn X, xã C, huyện P và phần nhà nêu trên thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của cha mẹ bà. Bà yêu cầu hủy GCNQSDĐ số 0379-XA2 QSDĐ/E12 ngày 26/5/1997 của UBND huyện P đã cấp cho vợ chồng ông Ph đối với thửa đất nêu trên đồng thời yêu cầu cắt phần đất ở phía Đông gắn liền với ngôi nhà hiện vợ chồng ông Ph đang quản lý sử dụng cho vợ chồng ông Ph quản lý; buộc vợ chồng ông Ph phải trả lại cho mẹ

và anh chị em của bà phần đất còn lại có diện tích khoảng 242m² gắn với phần nhà ở phía Tây hiện bà đang quản lý sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- UBND huyện P do ông Trần Văn H1 – Chức vụ: Phó Chủ tịch là đại diện theo ủy quyền trình bày tại Văn bản số 186/UBND-TNMT ngày 18/3/2019 như sau:

Năm 1993, thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ và Quyết định số 4034/QĐ-UB ngày 27/11/1993 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, UBND huyện P chỉ đạo cho UBND các xã, thị trấn nói chung và UBND xã C nói riêng tiến hành thực hiện các bước theo quy định như: đo đạc, công khai, xét duyệt từ xóm, đội sản xuất đối với các trường hợp đang sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp thì Hội đồng giao quyền của xã lập hồ sơ trình UBND huyện cấp GCNQSDĐ trong đó có hộ gia đình ông Lê Công Ph và hộ gia đình cụ Lê Công Kh. Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ, 02 trường hợp nêu trên không có tranh chấp.

- Cụ Hồ Thị M (do ông Lê Công T đại diện theo ủy quyền), các ông bà Lê Công Tr, Lê Thị Ánh Ng, Lê Công T1, Lê Công Đức, Lê Thị Ánh T2, Lê Công Q, Lê Công M thống nhất toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của bị đơn bà Lê Thị Hồ H đồng thời có Đơn yêu cầu độc lập yêu cầu hủy GCNQSDĐ số 0370-XA₂QSDD/E12 ngày 26/5/1997 của UBND huyện P đã cấp cho vợ chồng ông Ph đối với thửa đất số 564, tờ bản đồ số 11, thôn X, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

- Bà Nguyễn Thị Kim Y trình bày: Bà là vợ ông Lê Công Ph. Bà thống nhất toàn bộ trình bày của ông Ph và yêu cầu khởi kiện của ông Ph, không bổ sung gì thêm.

Bản án số 01/2020/DS-ST ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện P đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Công Ph.

1.1 Xác định thửa đất số 564, tờ bản đồ số 11, diện tích 340m² (diện tích đo đạc thực tế 380m²) tại thôn X, xã C, huyện P đã được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ số: 0370-XA₂QSDD/E12 ngày 26/5/1997 cho hộ gia đình ông Lê Công Ph là hợp pháp.

1.2 Xác định ngôi nhà có diện tích 39,5m² được xây dựng ở vị trí phía Tây của thửa đất số 564, tờ bản đồ số 11, diện tích đo đạc thực tế 380m² tại thôn X, xã C, huyện Phiện do bà Lê Thị Hồ H đang quản lý sử dụng, hiện trạng nhà mái lợp ngói, tole, tường xây gạch, nền láng xi măng, trần cốt ép là tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ chồng cụ Lê Công Kh (chết) và cụ Hồ Thị M.

1.3 Buộc bà Lê Thị Hồ H, cụ Hồ Thị M và những người thuộc diện hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Công Kh phải giao ngôi nhà có diện tích 39,5m² cho vợ chồng ông Lê Công Ph, bà Nguyễn Thị Kim Y được quyền sở hữu sau khi vợ chồng ông Ph, bà Y trả cho cụ Hồ Thị M và những người thuộc diện hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Công Kh giá trị ngôi nhà là 21.457.000 đồng .

1.4 Buộc vợ chồng ông Lê Công Ph, bà Nguyễn Thị Kim Y phải trả cho cụ Hồ Thị M và những người thuộc diện hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Công Kh giá trị ngôi nhà là 21.457.000 đồng do cụ Hồ Thị M đại diện nhận để được trọn quyền sở hữu ngôi nhà 39,5m².

1.5 Bác yêu cầu của bà Lê Thị Hồ H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Hồ Thị M, ông Lê Công Đ, ông Lê Công M, bà Lê Thị Ánh T2, ông Lê Công Tr, bà Lê Thị Ánh Ng, ông Lê Công T1, ông Lê Công Q về việc yêu cầu hủy GCNQSDĐ số 0370-XA₂QSDĐ/E12 ngày 26/5/1997 của UBND huyện P, tỉnh Bình Định cấp cho hộ gia đình ông Lê Công P và buộc vợ chồng ông Ph, bà Y phải trả lại cho cụ M và các con của cụ M – cụ Kh (chết) 242m² đất thuộc thửa đất số 564, tờ bản đồ số 11 tại thôn X, xã C, huyện Phù Cát.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 10/01/2020, bị đơn bà Lê Thị Hồ H kháng cáo yêu cầu hủy GCNQSDĐ số 0370-XA₂QSDĐ/E12 ngày 26/5/1997 của UBND huyện P đã cấp cho vợ chồng ông Ph đối với thửa đất số 564, tờ bản đồ số 11 X, C, P đồng thời yêu cầu cắt phần đất ở phía Đông của thửa đất gắn liền với ngôi nhà hiện vợ chồng ông Ph đang quản lý sử dụng cho vợ chồng ông Ph quản lý; buộc vợ chồng ông Ph phải trả lại cho mẹ và anh chị em của bà phần đất còn lại có diện tích khoảng 242m² gắn với phần nhà ở phía Tây hiện bà đang quản lý sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Hồ H; Sửa bản án sơ thẩm; Giao phần nhà, đất có diện tích 39,5m² cho vợ chồng ông P, bà Y sở hữu. Buộc vợ chồng ông Ph, bà Y phải thanh toán giá trị nhà, đất cho cụ Hồ Thị M và các thừa kế của cụ Kh theo giá thị trường mà hội đồng định giá đã định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các bên đương sự đều thống nhất nguồn gốc thửa đất số 564, tờ bản đồ số 11, thôn X, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định là đất khai hoang từ sau năm 1975 nhưng không thống nhất ai là người khai hoang. Nguyên đơn ông Lê Công Ph khẳng định rằng vợ chồng ông đã khai hoang đất vào năm 1977 còn bị đơn bà Lê Thị Hồ H, cụ Hồ Thị M và các con của cụ M, cụ Lê Công Kh đều cho rằng vợ chồng cụ Kh khai hoang vào năm 1976, sau đó vợ chồng cụ

Kh cho vợ chồng ông Ph một phần diện tích phía Đông của thửa đất để làm nhà ở.

Thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, vợ chồng ông Ph là người kê khai đăng ký toàn bộ thửa đất nêu trên. Bà H, cụ M và các con cụ Kh cho rằng ông Ph đã tự ý kê khai. Năm 1998, cụ Kh mới phát hiện việc ông Ph kê khai gian dối nhưng vì là người trong gia đình nên cụ Kh và các thành viên trong gia đình không ai thắc mắc hay khiếu nại. Tại thời điểm đăng ký kê khai để được giao quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP, cụ Kh chỉ kê khai đăng ký đối với thửa đất số 562, tờ bản đồ số 11 (đất do ông bà để lại cho vợ chồng cụ). Ngày 26/5/1997, hộ gia đình ông Ph được UBND huyện P cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 564. Năm 1998, hộ gia đình cụ Kh được cấp GCNQSDĐ đối thửa đất số 562. Như vậy, việc UBND huyện Ph cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông Lê Công Ph trong đó có thửa đất số 564 tờ bản đồ số 11 tại thôn X, xã C, huyện P, tỉnh BìnhĐịnh là có căn cứ, phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 1993; Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ nên kháng cáo của bà Lê Thị Hồ H yêu cầu hủy GCNQSDĐ số 0370-XA₂QSDĐ/E12 ngày 26/5/1997 của UBND huyện P đã cấp cho vợ chồng ông Ph đối với thửa đất số 564, tờ bản đồ số 11, thôn X, xã C, huyện P không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Năm 1978, vợ chồng ông Ph xây dựng nhà ở tại vị trí phía Đông thửa đất số 564. Theo ông Ph, năm 1979 vợ chồng ông tiếp tục xây dựng phần nhà có diện tích 39,5m² tại vị trí phía Tây thửa đất, liền kề với ngôi nhà do vợ chồng ông đã xây dựng năm 1978. Nhà xây xong, vợ chồng ông không sử dụng mà để cho các em ông mượn làm nơi mua bán. Bà Lê Thị Hồ H và các con của cụ Kh công nhận phần nhà ở phía Đông thửa đất là do vợ chồng ông Ph xây dựng còn phần nhà có diện tích 39,5m² ở vị trí phía Tây thửa đất là của vợ chồng cụ Kh do vợ chồng cụ Kh xây dựng. LỜI trình bày của bà H và các con cụ Kh, cụ M phù hợp với lời khai của người làm chứng như ông Huỳnh Đ, ông Huỳnh D, ông Bùi Châu Tr là những người làm thợ xây, thợ mộc do cụ Kh thuê và trả tiền công để làm phần nhà phía Tây. Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần nhà có diện tích 39,5m² nằm ở vị trí phía Tây thửa đất là do vợ chồng cụ Kh xây dựng là có căn cứ. Vợ chồng ông Ph, bà Nguyễn Thị Kim Y đều không kháng cáo đối với quyết định này của bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Lê Thị Hồ H yêu cầu cắt phần đất ở phía Đông gắn liền với ngôi nhà hiện vợ chồng ông Ph đang quản lý sử dụng cho vợ chồng ông Ph sở hữu, sử dụng; buộc vợ chồng ông Ph phải trả lại cho cụ M và anh chị em của bà phần đất còn lại có diện tích khoảng 242m² gắn với phần nhà ở phía Tây hiện bà đang quản lý sử dụng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Như đã phân tích tại [1], thửa đất số 564 tờ bản đồ số 11 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ gia đình ông Ph. Diện tích theo GCNQSDĐ là 340m² (trong đó đất ở: 200m²; đất vườn: 140m²) nhưng diện tích đo đạc thực tế là 380m² (chênh lệch 40m²). Quá trình sử dụng đất của hộ ông Ph không có

ai tranh chấp, ranh giới thửa đất không thay đổi. Theo UBND huyện Phù Cát, diện tích đất chênh lệch này đủ điều kiện để công nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ph. Ông Ph không đồng ý với yêu cầu của bà H về việc cắt một phần diện tích đất của thửa đất 564 cho cụ M và các con của cụ Kh, cụ M. Tuy nhiên, tại thời điểm ông Ph kê khai để được cân đối giao quyền sử dụng đất thì trên đất đã có phần nhà diện tích 39,5m² do vợ chồng cụ Kh xây dựng. Theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 chỉ cân đối đối với đất sản xuất nông nghiệp còn đất ở không cân đối nên trong 200m² đất ở mà vợ chồng ông Ph được cấp theo GCNQSDĐ có 39,5m² đất ở thuộc quyền sử dụng của vợ chồng cụ Kh nên vợ chồng ông Ph phải trả lại diện tích 39,5m² đất ở gắn với diện tích nhà phía Tây thửa đất cho vợ chồng cụ Kh là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H thừa nhận hiện tại cụ M đang ở tại ngôi nhà trên thửa đất số 562 còn bà và các anh chị em đều đã tạo lập nhà ở, phần nhà ở phía Tây thửa đất số 564 chỉ sử dụng làm nơi kinh doanh mua bán. Mặt khác, theo quy định tại Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định quy định diện tích đất tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Bình Định thì diện tích đất ở 39,5m² nêu trên không đủ điều kiện để tách thửa vì vậy Hội đồng xét xử xét giao phần nhà gắn liền với diện tích đất 39,5m² cho vợ chồng ông Ph sở hữu, sử dụng đồng thời buộc vợ chồng ông Ph phải thanh toán lại giá trị nhà, đất cho cụ Hồ Thị M và các thừa kế của cụ Kh theo giá thị trường mà hội đồng định giá đã định là phù hợp. Theo Biên bản định giá ngày 20/11/2019, đất ở có giá thị trường là 1.894.736 đồng/m² x 39,5m² = 74.842.072 đồng; giá trị phần nhà là 21.457.000 đồng. Tổng cộng đất và nhà là 96.299.072 đồng. Số tiền 96.299.072 đồng này vợ chồng ông Ph phải có trách nhiệm thanh toán lại cho cụ M và các thừa kế của cụ Kh. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà H; sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích tại [2].

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, Điều 2 Luật Người cao tuổi, ông Lê Công Ph, cụ Hồ Thị M, ông Lê Công Đ được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 12, bà Lê Thị Hồ H, ông Lê Công M, bà Lê Thị Ánh T2, ông Lê Công Tr, bà Lê Thị Ánh Ng, ông Lê Công T1 và ông Lê Công Q mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không được Tòa chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông Lê Công Ph, bà Nguyễn Thị Kim Y phải chịu 1.072.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Buộc bà Lê Thị Hồ H, cụ Hồ Thị M, ông Lê Công Đ, ông Lê Công M, bà Lê Thị Ánh T2, ông Lê Công Tr, bà Lê Thị Ánh Ng, ông Lê Công T1, ông Lê Công Q mỗi người phải

chịu 2.547.367 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm là không đúng với quy định tại khoản 3, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 12 và khoản 1 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Từ những phân tích tại [3], Hội đồng xét xử xét thấy phải sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, bà Lê Thị Hồ Hoa không phải chịu.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị là sửa án sơ thẩm về phần án phí là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; khoản 3, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 12; khoản 1 Điều 17 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điểm c khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai, Điều 332 Bộ luật Dân sự.

1. Xác định phần nhà có diện tích 39,5m² do bà Lê Thị Hồ H đang quản lý sử dụng được xây dựng ở vị trí phía Tây của thửa đất số 564, tờ bản đồ số 11 tại thôn X, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định là tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ chồng cụ Lê Công Kh, cụ Hồ Thị M.

2. Buộc bà Lê Thị Hồ H, cụ Hồ Thị M và những người thừa kế của cụ Lê Công Kh phải giao ngôi nhà có diện tích 39,5m² thửa đất số 564, tờ bản đồ số 11 tại thôn X, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định cho vợ chồng ông Lê Công Ph, bà Nguyễn Thị Kim Y được quyền sở hữu, sử dụng.

3. Buộc vợ chồng ông Lê Công Ph, bà Nguyễn Thị Kim Y phải giao cho cụ Hồ Thị M và những người thừa kế của cụ Lê Công Kh giá trị nhà, đất với số tiền 96.299.072 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Bác yêu cầu của bà Lê Thị Hồ H, cụ Hồ Thị M, ông Lê Công Đ, ông Lê Công M, bà Lê Thị Ánh T2, ông Lê Công Tr, bà Lê Thị Ánh Ng, ông

Lê Công T1 và ông Lê Công Q đòi hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0370-XA₂QSĐĐ/E12 ngày 26/5/1997 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định cấp cho hộ gia đình ông Lê Công Ph; Yêu cầu buộc vợ chồng ông Ph, bà Y phải trả lại cho cụ M và các con của cụ M – cụ Kh 242m² đất thuộc thửa đất số 564, tờ bản đồ số 11 tại thôn X, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Ông Lê Công Ph được miễn toàn bộ án phí. Hoàn lại cho ông Lê Công Ph 200.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 03702 ngày 18.5.2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

5.2. Bà Lê Thị Hồ H, ông Lê Công M, bà Lê Thị Ánh T2, ông Lê Công Tr, bà Lê Thị Ánh Ng, ông Lê Công T1 và ông Lê Công Q mỗi người phải chịu 200.000 đồng được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 08497 ngày 20.5.2016, 08520 ngày 08.6.2016, 08501, 08505, 08502, 08503 ngày 25.5.2016, 08498 ngày 20.5.2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

5.3. Cụ Hồ Thị M và ông Lê Công Đ được miễn toàn bộ án phí. Hoàn lại cho cụ Hồ Thị M và ông Lê Công Đ mỗi người 200.000 đồng tạm ứng án phí theo các Biên lai thu tiền số 08504 ngày 25.5.2016 và 08499 ngày 23.5.2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Hồ H được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0007344 ngày 16.01.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

7. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Tuấn Anh